

Số: 607/TB-CDDS

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

Về kết quả xét duyệt nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn 6 tháng cuối năm 2025 cho cán bộ, viên chức và người lao động

Kính gửi: Các đơn vị trong toàn Trường

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước kỳ hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Quyết định số 1023/QĐ-ĐS ngày 31/7/2013 của Đường sắt Việt Nam về việc ban hành Quy chế nâng ngạch, nâng bậc và chuyển xếp lương đối với viên chức quản lý chuyên trách và người lao động;

Căn cứ Quy chế nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn, nâng ngạch, chuyển xếp lương đối với cán bộ, viên chức và người lao động của Trường Cao đẳng Đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 351/QĐ-CDNDS ngày 25/4/2016.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025 Hội đồng lương Nhà trường đã họp xét duyệt nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn 6 tháng cuối năm 2025 cho cán bộ, viên chức và người lao động. Sau khi xem xét thời gian giữ bậc lương và thành tích đã đạt được trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác được giao Hội đồng lương nhà trường nhất trí thông qua kết quả họp xét duyệt sau:

I- Nâng bậc lương thường xuyên 6 tháng cuối năm 2025 cho 19 người:

Hội đồng lương nhất trí đề nghị nâng bậc lương thường xuyên cho 19 ông (bà) đạt đủ các tiêu chuẩn qui định: Hoàn thành nhiệm vụ được giao, không vi phạm kỷ luật lao động, đủ thời gian nâng bậc lương theo quy định.

Trong đó khu vực Hà Nội 07 người, Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng 03 người, Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Phía Nam 09 người (Có danh sách kèm theo).

II- Xét đề nghị hưởng phụ cấp Thâm niên vượt khung 6 tháng cuối năm 2025 cho 10 trường hợp:

Hội đồng nhất trí đề nghị nâng mức hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung cho 10 trường hợp đạt đủ tiêu chuẩn theo quy định (có danh sách kèm theo).

Lưu ý: Quyết định nâng lương được xét tại thời điểm đối với từng cá nhân.

Vậy Hiệu trưởng thông báo đến toàn thể CB, GV, NV trong trường biết, mọi ý kiến (nếu có) yêu cầu liên hệ đ/c Mai Thị Vân (phòng TC-HC) thời gian trước ngày 04 tháng 8 năm 2025 ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ĐU, CĐ;
- BGH; HĐ Trường;
- Lưu: TC-HC; VT.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Trương Trọng Vương

**DANH SÁCH CB, GV, NV TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT
ĐỀ NGHỊ NÂNG LƯƠNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025**



Đã xem theo thông báo số 607/TB-CĐĐS, ngày 27 tháng 7 năm 2025)

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số lương đang hưởng							Đề nghị nâng bậc							Ghi chú
			Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng	Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13					
	A-Nâng lương thường xuyên 36 tháng																
	I-Bộ phận Hà Nội																
1	Hoàng Thanh Hương (05/6/1983)	Trưởng khoa Công trình - Cơ khí	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	6/9	3,99	7/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	7/9	4,32	7/2025					
2	Khuất Đức Thắng (16/5/1978)	Trưởng phòng Đào tạo	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4,65	10/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	9/9	4,98	10/2025					
3	Phan Văn Chính (28/01/1977)	Giảng viên, Khoa Công trình - Cơ khí	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4,65	10/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	9/9	4,98	10/2025					
4	Trần Thùy Giang (27/4/1982)	Giảng viên, Phòng Đào tạo	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	5/9	3,66	11/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	6/9	3,99	11/2025					
5	Phạm Ngọc Hoàn (26/4/1978)	Phó hiệu trưởng	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	7/9	4,32	11/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4,65	11/2025					
6	Đình Thương (25/12/1973)	Giảng viên, Khoa Thông tin Tin hiệu - Điện	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	7/9	4,32	12/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4,65	12/2025					

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số lương đang hưởng							Đề nghị nâng bậc					Ghi chú
			Ngày lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng	Ngày lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13			
	II- Phần hiệu CBDS Đà Nẵng														
7	Nguyễn Thị Thanh Thiện (01/5/1977)	Nhân viên Kế toán Phần hiệu CBDS Đà Nẵng	Kế toán viên	06.031	3/9	3,00	7/2022	Kế toán viên	06.031	4/9	3,33	7/2025			
8	Phan Trường Khánh (14/11/1980)	Giảng viên, Bộ môn Cơ khí-Công trình III	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	7/9	4,32	10/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4,65	10/2025			
9	Lê Thị Thùy Dương (03/5/1983)	Giảng viên, bộ môn Cơ bản III	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	6/9	3,99	12/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	7/9	4,32	12/2025			
	III- Phần hiệu CBDS Phía Nam														
10	Lê Thị Nga (04/10/1987)	Chuyên viên, Phần hiệu CBDS Phía Nam	Chuyên viên	01.003	3/9	3,00	7/2022	Chuyên viên	01.003	4/9	3,33	7/2025			
11	Nguyễn Thanh Sơn (16/5/1979)	Phó Trưởng phòng TCHC Trường phụ trách Văn phòng PHPN	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	7/9	4,32	08/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4,65	8/2025			
12	Vũ Mạnh Hoàn (08/11/1979)	Giảng viên, Phần hiệu CBDS phía Nam	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	7/9	4,32	09/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4,65	9/2025			
13	Lê Tiên (17/7/1968)	Giảng viên, Phần hiệu CBDS phía Nam	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4,65	09/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	9/9	4,98	9/2025			

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số Lương đang hưởng						Đề nghị nâng bậc					Ghi chú
			Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng	Ngạch lương	Mã ngạch	Bậc lương	Hệ số	Thời gian hưởng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		
14	Nguyễn Hoàng Phong (18/4/1977)	Phó Trưởng khoa TTTH - Điện	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	7/9	4,32	10/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4,65	10/2025		
15	Trần Thị Thủy Hằng (20/1/1976)	Giảng viên, Phân hiệu CBDS phía Nam	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4,65	10/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	9/9	4,98	10/2025		
16	Nguyễn Văn Tríng (02/4/1978)	Giảng viên, Phân hiệu CBDS phía Nam	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	7/9	4,32	10/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4,65	10/2025		
17	Nguyễn Văn Nhận (12/9/1976)	Phó giám đốc, phân hiệu CBDS phía Nam	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	8/9	4,65	12/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	9/9	4,98	12/2025		
18	Nguyễn Thị Thanh Tâm (05/3/1989)	Giảng viên, Phân hiệu CBDS phía Nam	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	4/9	3,33	12/2022	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	V.09.02.03	5/9	3,66	12/2025		
	B-Nâng lương thường xuyên 24 tháng													
	I-Bộ phận Hà Nội													
19	Nguyễn Thị Miên (17/5/1976)	Nhân viên phục vụ	Nhân viên phục vụ	01.009	11/12	2.80	9/2023	Nhân viên phục vụ	01.009	12/12	2.98	9/2025		
	II- Phân hiệu CBDS Đà Nẵng													
	III- Phân hiệu CBDS Phía Nam													
	C- Chuyển xếp lương													

DANH SÁCH CB, CV, NV TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT ĐỀ NGHỊ XÉT HƯỞNG PHỤ CẤP TNLVK 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT (Kèm theo thông báo số 607/TB-CBDS, ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Trường Cao đẳng Đường sắt)

STT	Họ và tên	Chức danh	Mã ngạch	Hệ số Lương	Tỷ lệ % TNLVK đang hưởng	Tỷ lệ TNLVK mới	Thời điểm tính hưởng PCTLVK	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I - Bộ phận Hà Nội								
1	Dương Văn Luân (14/8/1967)	Nhân viên bảo vệ	01.011	3.48	28%	29%	7/2025	
2	Trương Đại Hải (24/02/1976)	Tổ trưởng tổ Bảo vệ	01.011	3.48	8%	9%	7/2025	
3	Nguyễn Danh Tiếp (20/6/1964)	Trưởng phòng Công tác HSSV	V.09.02.03	4.98	15%	16%	7/2025	
4	Lê Thị Ánh Linh (31/7/1975)	Giảng viên, Khoa Cơ bản	V.09.02.04	4.98		5%	8/2025	
5	Nguyễn Thị Thủy (04/3/1977)	Kế toán, Phòng Tài chính-Kế toán	06.031	4.98		5%	11/2025	
6	Nguyễn Mạnh Cường (05/3/1975)	Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và chuyên giao KHCN	V.09.02.04	4.98		5%	12/2025	
II - Phân hiệu CBDS Phía Nam								
7	Phạm Đình Trang (10/4/1964)	Nhân viên, Phân hiệu CBDS Phía Nam	01.011	3.48	10%	11%	7/2025	
8	Lê Đình Trãi (06/6/1968)	Tổ trưởng tổ Bảo trì cơ sở vật chất và thiết bị	01.003	4.98	8%	9%	9/2025	
9	Phạm Thị Len (13/7/1977)	Nhân viên Phân hiệu CBDS Phía Nam	01.004	4.06	6%	7%	10/2025	
10	Phạm Khắc Toàn (20/10/1970)	Nhân viên Phân hiệu CBDS Phía Nam	01.007	3.63	12%	13%	12/2025	